TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28** /2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 9 - 2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Lê Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phan Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: anh Lê Trung T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Chị và anh Lê Trung T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/5/2015 Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc, không có quan điểm chung, thường xuyên dùng những lời lẽ không hay và có lúc đánh đập nhau. Từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn và không có khả năng khắc phục mâu thuẫn nên chị làm đơn xin ly hôn anh Lê Trung T.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì điều kiện làm việc xa nhà nên chị xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 8 năm 2023, anh Lê Trung T trình bày: Anh thừa nhận quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân với chị Nguyễn Thị Hồng V như chị V trình bày và cũng thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân, vợ sống và làm ăn tại Miền Nam còn anh đang sống với bố mẹ tại Quảng Bình. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, anh đã nhiều lần gọi chị V trở về chung sống cùng nhau nhưng chị V không về. Nay, chị V khởi kiện xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh theo tín ngưỡng tôn giáo nên không được ký ly hôn. Do điều kiện anh thường xuyên đi làm xa nhà nên anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu và nguyện vọng của chị V.

Về con chung và tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị V và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo Đơn xin xét xử vắng mặt, chị V giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, con chung và tài sản chung, không có nên yêu cầu giải quyết; anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu và nguyện vọng của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết ly hôn đối với anh Lê Trung T, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "*Ly hôn*"; anh Lê Trung T có nơi cư trú là Thôn 2, xã P, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, chị V và anh T vắng mặt nhưng anh chị đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Lê Trung T.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Lê Trung T đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày 20/5/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Theo lời khai của cả hai bên đương sự thì cuộc sống vợ chồng đã không được hạnh phúc ngay từ sau khi kết hôn. Thực tế từ năm 2020 cho đến nay, chị V đang sinh sống và làm ăn tại Miền Nam còn anh T thì sống cùng với bố mẹ tại Quảng Bình. Mặc dù trong thời gian sống ly thân, anh đã có gọi chị V trở về để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không có kết quả. Như vậy, có đủ căn cứ xác định cuộc sống chung của chị V và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng

và không còn khả năng khắc phục nên mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V, xử cho chị được ly hôn anh Lê Trung T.

Về con chung: Anh chị đều thống nhất khai nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: chị Nguyễn Thị Hồng V phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V, xử cho chị Nguyễn Thị Hồng V được ly hôn anh Lê Trung T.

2. Về quan hệ con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng V phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002792 ngày 31 tháng 7 năm 2023.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Phúc Trạch
(GCNKH số: 57, ngày 20/5/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Quang Minh